

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**
Số: 3216/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày 29 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Trường THCS Phước Thắng
Hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2613/STNMT-CCBVMT ngày 04/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trường THCS Phước Thắng, Hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trường THCS Phước Thắng, Hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 167/CV-BQL ngày 10/8/2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1033/TTr-STNMT ngày 24/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trường THCS Phước Thắng, Hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tuy Phước;
- BQLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Thắng;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN TRƯỜNG THCS PHƯỚC THẮNG
HẠNG MỤC: NHÀ BỘ MÔN 02 TẦNG 04 PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trường THCS Phước Thắng, hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng.
- Địa điểm thực hiện: Thôn Tư Cung, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: Dự án được thực hiện trên tổng diện tích khoảng 2.135 m² tại Thôn Tư Cung, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Quy mô: Xây dựng Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng với diện tích xây dựng 310 m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

- San nền diện tích khoảng 2.135 m².
- Xây dựng Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng với diện tích xây dựng 310 m².
- Thi công lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống cấp điện, mạng internet, chống sét, cấp thoát nước và thiết bị PCCC.

1.3.2. Các hoạt động của Dự án

- Thu dọn mặt bằng.
- San nền, đào, đắp đất vận chuyển nguyên vật liệu.
- Thi công cơ giới bằng máy móc thiết bị.
- Sinh hoạt của công nhân trên công trường.
- Thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 2 vụ trở lên theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai với diện tích 2.135 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; nước thải sinh hoạt, nước thải từ phòng thí nghiệm hóa sinh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng $0,54 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng $01 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải phát sinh từ lavabo rửa tay tại phòng thí nghiệm hóa sinh khoảng $0,65 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và nước thải từ lavabo rửa dụng cụ tại phòng thí nghiệm hóa sinh khoảng $0,03 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Tính chất: nước thải chứa hàm lượng các chất rắn lơ lửng, chất tẩy rửa,...

- Nước thải sinh hoạt của giáo viên, học sinh phát sinh tại nhà bộ môn với lưu lượng khoảng $0,44 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5), COD, các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân xây dựng, phát sinh khối lượng khoảng $12 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ trái cây,...

- Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt của giáo viên, học sinh tại nhà bộ môn phát sinh với khối lượng khoảng 7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là vỏ hộp sữa, chai lọ bằng nhựa, lon, vỏ hộp đựng đồ ăn.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 0,45 - 0,75 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Đất đào hố móng phạm vi xây dựng nhà bộ môn phát sinh với khối lượng khoảng 4.092,1 m³.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động giảng dạy, học tập thực hành, đọc sách của giáo viên, học sinh tại nhà bộ môn với khối lượng khoảng 11 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giấy, bao bì ni lông, chai lọ thủy tinh, bút viết,...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát

- Giai đoạn thi công xây dựng: chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát từ quá trình thi công dự án phát sinh với khối lượng khoảng 15 kg/giai đoạn thi công. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy chì thải, bao bì đựng hóa chất...

- Giai đoạn hoạt động: chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát phát sinh từ hoạt động giảng dạy, học tập thực hành tại nhà bộ môn phát sinh với khối lượng khoảng 14,5 kg/năm học. Thành phần chủ yếu là chai lọ chứa hóa chất, bóng đèn huỳnh quang, pin ắc quy thải, nhiệt kế, các thiết bị linh kiện điện tử thải, hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, xây dựng phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật

tự xã hội khu vực Dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động có dung tích 2,5 m³ bằng vật liệu composite; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: bố trí 01 hố lắng có thể tích 0,5 m³ để lắng cặn, nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho quá trình xây dựng.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: nước mưa từ mái nhà bộ môn được thu gom theo đường ống nhựa D60mm chảy xuống sân đường nội bộ của Trường và thoát ra đường hiện trạng phía Đông Dự án.

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh hiện trạng của Trường THCS Phước Thắng.

- Nước thải từ các lavabo rửa tay, vệ sinh dụng cụ: xây dựng 01 bể lọc có thể tích 1,2 m³ tại phía Tây Dự án để xử lý nước thải từ các lavabo rửa tay, vệ sinh dụng cụ.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín; chờ đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Bố trí thùng thu gom rác sinh hoạt có thể tích 120 lít, nắp đậy kín tại khu vực nhà bộ môn, sân đường nội bộ.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đất đào hố móng: được tận dụng đổ san phạm vi sân nội bộ của Dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Bố trí thùng đựng rác chuyên dụng có thể tích 120 lít, nắp đậy kín tại khu vực nhà bộ môn.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động:

- + Đối với chai lọ chứa hóa chất, hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại: bố trí 02 thùng chứa chất thải chuyên dụng được đặt tại khu vực có diện tích khoảng 1 m² trong phòng chuẩn bị của nhà bộ môn, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- + Đối với bóng đèn huỳnh quang, thiết bị linh kiện điện tử, pin, ắc quy thải: bố trí 03 thùng chứa chất thải chuyên dụng đặt tại nhà chất thải có diện tích khoảng 3 m² nằm ở phía Đông Trường THCS Phước Thắng hiện trạng, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ học, giảng dạy của Trường từ 7h - 11h30 và 1h - 17h. Không hoạt động các thiết

bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 19h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng các nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án.

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: phía Đông dự án, giáp với Trường THCS Phước Thắng (tọa độ: 1538383; 601973).

- Chỉ tiêu giám sát: bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.